TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/DS-PT
Ngày: 14/7/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr
Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương
Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Việt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/DS-PT ngày 17/5/2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2023/QĐ-PT ngày 16/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện B2, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Phan Đình V, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Diệu P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Y, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn: Ông Phan Minh H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Z, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Ngọc N - Văn phòng Luật sư Thanh Nhàn, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Thôn Z, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Phan Minh H là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn kiện bổ sung và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết mua bán cà phê, tiêu nông sản nên bà Nguyễn Thị Thanh B1 (nguyên đơn) có đến gửi hàng tại Đại lý thu mua nông sản của vợ chồng ông Lê Phan Đình V, bà Nguyễn Thị Diệu P (bị đơn) cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/4/2018, nguyên đơn ký gửi cho bị đơn số lượng tiêu đã quy chuẩn là 15.000 kg; cùng ngày nguyên đơn có vay của bị đơn 600.000.000 đồng, các bên có lập giấy viết tay "Giấy gởi hàng".

Lần 2: Ngày 22/4/2018, nguyên đơn tiếp tục ký gửi cho bị đơn 5000 kg tiêu đã quy chuẩn, và vay 200.000.000 đồng, các bên có lập giấy viết tay "Giấy gởi hàng". Số tiêu 20.000 kg nói trên, sau khi gửi thì bị đơn đã bán hết.

Cả hai lần ký gửi nêu trên đều do bị đơn lập hợp đồng và giao cho nguyên đơn quản lý và có nội dung: Đối với việc gửi giữ tài sản là tiêu quy chuẩn và lúc nào bán tính theo giá thị trường. Đối với tiền vay chỉ thể hiện số tiền không thỏa thuận lãi suất cũng như thời gian trả nợ.

Các bên mặc nhiên hiểu là khi nào bên gửi có nhu cầu bán sẽ thông báo cho bên đại lý để hai bên gặp nhau chốt giá tiêu theo giá thị trường tại ngày Đại lý thanh toán tiền. Như vậy thời gian ký gửi và bán tiêu là do bên gửi (nguyên đơn) quyết định. Đối với tiền vay khi nào bị đơn cần lấy tiền thì báo cho nguyên đơn trước một thời gian khoảng 10 ngày để trả.

Đến ngày 27/10/2021, nguyên đơn gọi điện yêu cầu bị đơn gặp nhau để chốt giá tiêu theo giá thị trường tại ngày 27/10/2021 là 89.000 đồng/kg nhưng bị đơn không thực hiện. Sau đó, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn gặp để chốt giá tiêu theo giá thị trường nhưng bị đơn không thực hiện, vì vậy nguyên đơn mới làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số lượng tiêu đã ký gửi là 20.000 kg tiêu đã quy chuẩn.

Đối với số tiền nguyên đơn đã vay của bị đơn 02 lần tổng cộng là 800.000.000 đồng được xác lập trên cùng tờ giấy gửi giữ tiêu ngày 16/4/2018 và 22/4/2018 thì nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án giải quyết ghi nhận cho nguyên đơn trả cho bị đơn 800.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì khi vay các bên không thỏa thuận.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý vì: Khi gửi tiêu hai bên đã thỏa thuận khi nào nguyên đơn bán tiêu thì sẽ báo cho bị đơn để hai bên gặp nhau chốt giá tiêu theo giá thị trường tại thời điểm bán, thời gian ký gửi và bán tiêu là do nguyên đơn quyết định. Việc bị đơn tự ý một mình chốt giá tiêu theo như yêu cầu phản tố mà không có sự đồng ý của nguyên đơn là không đúng. Về khoản tiền vay, khi vay hai bên thỏa thuận vay không lãi suất, thời gian trả tiền khi nào bị đơn yêu cầu lấy tiền thì báo trước cho nguyên đơn một thời gian khoảng 10 ngày, đối với khoản tiền vay nguyên đơn đã có đơn trình bày sẽ trả, chứ không có việc khấu trừ và hợp đồng song vụ như bị đơn trình bày. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Số tiêu ký gửi và vay tiền là trách nhiệm của nguyên đơn không liên quan đến gia đình cũng như hộ kinh doanh của nguyên đơn.

Đối với chứng cứ bị đơn cung cấp là tin nhắn zalo photo gửi cho Tòa án để xác định nguyên đơn đã đồng ý chốt giá là không đúng. Nguyên đơn khi nhận được điện thoại của bị đơn thì tắt máy và có trả lời "Đang ở Tòa Quy Nhơn mai lên dâu sinh về không kịp" chứ không có nội dung nào nguyên đơn đồng ý chốt giá, vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào hợp đồng gửi giữ để xét xử vụ án theo đúng quy định.

** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày như sau:*

Về chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 02 hợp đồng gửi giữ ngày 16/4/2018 và 22/4/2018 số lượng 20.000 kg tiêu quy chuẩn và vay 800.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận do bị đơn viết và ký đúng nội dung. Việc nhận ký gửi là công việc của gia đình nên cả hai vợ chồng bị đơn cùng có trách nhiệm.

Mục đích nguyên đơn vay tiền 800.000.000 đồng của bị đơn nhằm đảm bảo cho việc gửi tiêu tại kho hàng của bị đơn, cũng có thể hiểu là tài sản đảm bảo nghĩa vụ của các bên. Ngoài việc lập hợp đồng thì các bên có thỏa thuận bằng miệng về số tiền vay lãi suất 1%/tháng; thời điểm các bên chốt giá bán tiêu quy chuẩn thì hai bên cũng sẽ tính toán trả nợ và bù (đưa tiền) cho nhau nếu có chênh lệch.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do giá tiêu trên thị trường không ổn định và số tiền vay, tiền lãi của nguyên đơn vượt quá giá trị 20 tấn tiêu của nguyên đơn gửi đồng thời cũng quá thời hạn 01 năm (theo thông lệ của việc gửi giữ nông sản trong dân là gửi 01 năm từ mùa thu hoạch này đến mùa thu hoạch khác). Vì vậy, bị đơn đã nhiều lần gọi điện nhắn tin cho nguyên đơn đề nghị đến kho đại lý của bị đơn để hai bên thanh toán với nhau nhưng nguyên đơn không nghe máy, né tránh nên bị đơn đã gọi điện nhắn tin qua zalo cho nguyên đơn thông báo giá tiêu và tự chốt giá ngày 24/5/2019 là 43.000 đồng/kg nhưng nguyên đơn không đến gặp nên ngày 02/7/2019 bị đơn tiếp tục thông báo và đã tự chốt lại giá tiêu ngày 02/7/2019 là 44.500 đồng/kg x 20.000 kg = 890.000.000 đồng, việc này nguyên đơn đã biết (do nhận được tin nhắn và trả lời "Đang ở Tòa Quy Nhơn mai lên dâu sinh về không kịp").

Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đã làm đơn yêu cầu phản tố, xác định hợp đồng ngày 16/4/2018 và ngày 22/4/2018 là hợp đồng song vụ; Bị đơn đã thông báo cho nguyên đơn đến chốt giá tiêu nhưng nguyên đơn né tránh. Do đó, sau hai lần thông báo, bị đơn đã tự chốt giá giá tiêu ngày 02/7/2019 nguyên đơn đã gửi là 44.500 đồng/kg x 20.000 kg = 890.000.000 đồng. Ngoài ra bị đơn còn xác định số tiền nguyên đơn vay 800.000.000 đồng, tổng số tiền vay và tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày 02/7/2019 là 920.000.000 đồng trong đó tiền lãi là 120.000.000 đồng (tương ứng 1%/tháng). Như vậy nguyên đơn vẫn phải bù chênh lệch cho bị đơn là 30.000.000 đồng tính đến thời điểm ngày 02/7/2019.

Yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn phản tố của bị đơn là buộc nguyên đơn phải trả 270.000.000 đồng, cụ thể (800.000.000 đồng với x 01%/tháng (16/4/2018 và 22/4/2018 đến 16/01/2022) là 1.160.000.000 đồng; Trừ đi số lượng tiêu của nguyên đơn gửi cho bị đơn chốt theo giá tiêu ngày 02/7/2019 là 44.500 đồng/kg x 20.000 kg = 890.000.000 đồng, nguyên đơn còn phải trả lại cho bị đơn số tiền là 270.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng theo thỏa thuận kể từ ngày 17/01/2022 cho đến thời điểm xét xử.

Như vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn mà chấp nhận đơn phản tố của bị đơn như trên.

Đối với tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm (tiền của bị đơn, ông H nộp thay) bị đơn xác định chưa nhận lại và đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DSST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 469, Điều 554, khoản 1 Điều 556, khoản 1 Điều 557, Điều 559 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1:

+ Buộc bị đơn ông Lê Phan Đình V, bà Nguyễn Thị Diệu P có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 số lượng tiêu là 20.000 kg *(Hai mươi ngàn Kilôgam)* tiêu đã quy chuẩn.

+ Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 có trách nhiệm phải trả cho bị đơn ông Lê Phan Đình V và bà Nguyễn Thị Diệu P 822.133.333 đồng *(Tám trăm hai mươi hai triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)*, trong đó 800.000.000đồng tiền gốc và 22.133.333 đồng tiền lãi tính đến thời điểm xét xử.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu P về việc buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Diệu P số tiền là 270.000.000 đồng tiền chênh lệch và lãi suất 1% kể từ ngày 03/7/2019 cho đến thời điểm xét xử.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/3/2023, ông Phan Minh H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo hướng đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn và không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan Minh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Phan Ngọc N trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 469 và Điều 558 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn sửa bản án sơ thẩm. Số tiền 800.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Thanh B1 vay của ông V, bà P là trường hợp có thỏa thuận về lãi suất, sau khi bù trừ số tiền của 20.000 kg tiêu (giá 44.500 đồng/kg x 20.000 kg = 890.000.000 đồng) của bà B1 thì buộc bà B1 phải trả cho vợ chồng ông V, bà P số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 390.000.000 đồng (tính lãi suất

01%/tháng từ ngày bà B1 vay tiền cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm cả gốc và lãi là 1.280.000.000 đồng – 890.000.000 đồng) và lãi suất phát sinh tiếp theo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo của bị đơn, đại diện Viện kiểm sát xác định Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông V, bà P phải trả cho nguyên đơn bà B1 20.000 kg tiêu đã quy chuẩn là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất của khoản tiền bà B1vay 800.000.000 đồng của ông V, bà P từ ngày bà Bình có đơn kiện bổ sung cho đến ngày xét xử sơ thẩm là không đúng, mà phải tính lãi suất từ ngày vay tiền cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự mới đúng quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DSST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Xét đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan Minh H, thấy rằng:

[1]. Bà Nguyễn Thị Thanh B1 gửi kho của vợ chồng ông Lê Phan Đình V và bà Nguyễn Thị Diệu P 02 lần với số lượng 20.000 kg (20 tấn) tiêu đã quy chuẩn, đồng thời bà Nguyễn Thị Thanh B1 vay của vợ chồng Lê Phan Đình V và bà Nguyễn Thị Diệu P số tiền 800.000.000 đồng đều ghi "Giấy gởi hàng", cụ thể:

- Lần 1: ngày 16/4/2018, bà Nguyễn Thị Thanh B1 gửi kho của bà Nguyễn Thị Diệu P 15.000 kg (15 tấn) tiêu quy chuẩn và cùng ngày bà B1 vay của bà P số tiền 600.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 22/4/2018, bà B1 tiếp tục gửi kho của bà P 5.000 kg (05 tấn) tiêu quy chuẩn, đồng thời vay của bà P số tiền 200.000.000 đồng.

Cả hai lần gửi kho số tiêu nêu trên, các bên đều xác định bán theo giá thị trường và khi cho bà B1 vay tiền thì trong "Giấy gởi hàng" không ghi có lãi suất cũng như thời hạn trả nợ. Vào ngày 27/10/2021, nguyên đơn yêu cầu chốt giá tiêu nhưng bị đơn không thực hiện nên khởi kiện buộc vợ, chồng ông V, bà P phải trả lại số lượng 20.000 kg (20 tấn) tiêu đã gửi kho.

Đồng thời, phía bị đơn là bà P làm đơn phản tố xác định việc vay nợ với mục đích là hợp đồng song vụ để khấu trừ hàng ký gửi nên khi cho bà B1 vay tiền thì trong "Giấy gởi hàng" không ghi lãi suất nhưng thỏa thuận bằng miệng 01%/tháng. Vì vậy, số tiền gốc và lãi mà bị đơn cho vay tính từ 16/4/2018 và 22/4/2018 đến 16/01/2022 là 1.160.000.000 đồng. Trừ đi số lượng tiêu của nguyên đơn gửi cho bị đơn chốt theo giá ngày 02/7/2019 thì nguyên đơn còn phải trả lại cho bị đơn số tiền là 270.000.000 đồng tiền chênh lệch và tiếp tục tính lãi 1%/tháng từ ngày 17/01/2022 (theo cấp sơ thẩm tính từ ngày 03/7/2019 là không chính xác) đến thời điểm xét xử sơ thẩm (cụ thể là theo đơn kháng cáo đến ngày 20/4/2023 bà B1 phải trả là 390 triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đều xác định số 20 tấn tiêu bà B1 gửi tại đại lý của ông V, bà P thì ông V, bà P đã bán để thu hồi vốn.

Sau khi Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B bị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy thì bà B1 có đơn kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ nguyên đơn vay của bị đơn 800.000.000 đồng có ghi cùng trong "Giấy gởi hàng" đề ngày 16/4/2018 và 22/4/2018.

[2]. Đối với kháng cáo của người đại diện uỷ quyền của bị đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thanh B1 phải trả số tiền 390.000.000 đồng cho ông Lê Phan Đình V và Nguyễn Thị Diệu P sau khi đã khấu trừ số tiền 1.280.000.000 đồng (tính giá tiêu trên thị trường vào ngày 02/7/2019 là 890.000.000 đồng và số tiền 480.000.000 đồng đối với lãi khoản vay 800.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng cho đến ngày 20/4/2023), thì thấy: Việc bị đơn tự chốt giá tiêu quy chuẩn và khấu trừ nợ là không được sự đồng ý của nguyên đơn, theo các "Giấy gởi hàng" đề ngày 16/4/2018, ngày 22/4/2018 đều có nội dung *"lúc nào bán theo giá thị trường"*, còn về tin nhắn của bị đơn với nguyên đơn mà bị đơn cho rằng đã chốt giá tiêu với nguyên đơn thì thấy nội dung trả lời bằng tin nhắn của nguyên đơn không có nội dung nào nguyên đơn đã đồng ý chốt giá tiêu với bị đơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 556 Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền của bên gửi tài sản *"Yêu cầu lấy lại tài sản bất cứ lúc nào, nếu hợp đồng gửi giữ không xác định thời hạn, nhưng phải báo trước cho bên giữ một thời gian hợp lý"*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Phan Đình V, bà Nguyễn Thị Diệu P có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 số lượng tiêu là 20.000 kg tiêu đã quy chuẩn là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi, bị đơn cho rằng tuy trong "Giấy gởi hàng" không có ghi nội dung thỏa thuận về lãi suất nhưng thực tế các bên có thoả thuận về lãi suất bằng miệng 01%/tháng thì thấy phía bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận, còn tin nhắn của bị đơn với nguyên đơn thì nguyên đơn không phản hồi và thực tế từ đó cho đến nay nguyên đơn cũng không trả tiền lãi cho phía bị đơn. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm nhận định khoản vay 800.000.000 đồng không thỏa thuận về lãi suất và xác định thời điểm tính lãi từ ngày có đơn yêu cầu kiện bổ sung của nguyên đơn là ngày 21/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm để tính lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc nguyên đơn bà B1 có trách nhiệm phải trả cho bị đơn ông V và bà P số tiền gốc và lãi 822.133.333 đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà P về việc buộc nguyên đơn bà B1 trả lại cho bị đơn số tiền là 270.000.000 đồng tiền chênh lệch và lãi suất 1% kể từ ngày 17/01/2022 (theo cấp sơ thẩm tính từ ngày 03/7/2019 là không chính xác) cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có cơ sở.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của phía bị đơn mà giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phạm Minh H;

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS -ST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 469, Điều 554, khoản 1 Điều 556, khoản 1 Điều 557, Điều 559 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1.

[1]. Buộc bị đơn ông Lê Phan Đình V, bà Nguyễn Thị Diệu P có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 số lượng tiêu là 20.000 kg (Hai mươi ngàn Kilôgam) tiêu đã quy chuẩn.

[2]. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 có trách nhiệm phải trả cho bị đơn ông Lê Phan Đình V và bà Nguyễn Thị Diệu P 822.133.333 đồng *(Tám trăm hai mươi hai triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)*, trong đó 800.000.000 đồng tiền gốc và 22.133.333 đồng tiền lãi tính đến thời điểm xét xử.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu P về việc buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Diệu P số tiền là 270.000.000 đồng tiền chênh lệch và lãi suất 1% kể từ ngày 03/7/2019 cho đến thời điểm xét xử.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí dân sự:

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Phan Đình V, bà Nguyễn Thị Diệu P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải trả 20.000 kg tiêu là 51.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Phan Minh H nộp) theo biên lai số AA/2021/0019841 ngày 07/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ ông Lê Phan Đình V, bà Nguyễn Thị Diệu P còn phải tiếp tục nộp số tiền 50.700.000đồng *(Năm mươi triệu, bảy trăm ngàn đồng).*

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 13.500.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 6.750.000 đồng tạm ứng án phí (do ông Phan Minh H nộp thay) theo biên lai số AA/2021/0012552 ngày 29/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ bà Nguyễn Thị Diệu P còn phải tiếp tục nộp số tiền 6.750.000 đồng *(Sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải trả là 36.663.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền

18.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0022798 ngày 05/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ bà Nguyễn Thị Thanh B1 còn phải tiếp tục nộp số tiền 18.663.000 đồng *(Mười tám triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng).*

[4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Phan Đình V và bà Nguyễn Thị Diệu P phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm (do ông Phan Minh H nộp thay) đã nộp theo biên lai thu số: AA/2022/0001625 ngày 28/3/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, số tiền án phí phúc thẩm ông V, bà P đã nộp xong.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND thành phố BMT;*
- *Chi cục THADS thành phố B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr